

Số: 10/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 08 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 436/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Nguyễn T**, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 046090015830, cấp ngày 10/6/2025, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H.

2. **Chị Trần Thị Ánh C**, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 046189002795, cấp ngày 24/10/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Số C kiệt A đường P, phường T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T và chị Trần Thị Ánh C đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường T, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/10/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị C chung sống hạnh phúc hơn 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống, suy nghĩ khác biệt nhau, hay gây gổ nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn tình cảm với nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị C không thể hàn gắn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn

nhân và gia đình đề công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn T và chị Trần Thị Ánh C.

[2] Về con chung: Anh T và chị C xác nhận có 03 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 26/12/2009, Nguyễn H1, sinh ngày 16/9/2013, Nguyễn H2, sinh ngày 13/5/2015.

Anh T và chị C thỏa thuận giao 03 con chung cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con (1.000.000 đồng/tháng/con), thời gian cấp dưỡng là kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, thỏa thuận của anh T và chị C là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị C xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị C thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001471 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T và chị C đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T và chị Trần Thị Ánh C thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao 03 con Nguyễn H, sinh ngày 26/12/2009, Nguyễn H1, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn H2, sinh ngày 13/5/2015 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con (1.000.000 đồng/tháng/con), thời gian cấp dưỡng là kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh T và chị C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị C xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị C thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001471 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T và chị C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận Hóa
(ĐKKH số 119 ngày 22/10/2010 tại
UBND phường Phước Vĩnh cũ);
- Lưu dân;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình